

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2023/KDTM-PT  
Ngày: 24-3-2023  
V/v Tranh chấp hợp đồng vận  
chuyển hàng hóa.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thọ Viên

Bà Lưu Thị Đoàn Trang

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Toà án nhân dân  
Thành phố H

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên toà:**  
Ông Nguyễn Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09-3-2023 và 24-3-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2022/TLPT-KDTM ngày 23-11-2022 về “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2022/KDTM-ST ngày 16-9-2022 của Toà án nhân dân quận TB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2023/QĐ-PT ngày 30-01-2023, Quyết định hoãn phiên toà số 765/2023/QĐ-PT ngày 16-02-2023; Quyết định tạm ngừng phiên toà số 2593/2023/QĐ-PT ngày 09-3-2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T

Địa chỉ: 25-26-27 PXL, Phường E, quận BT, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1985;  
Địa chỉ: 25/36 TTT, phường PNL, Quận Q, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12-10-2022) (có mặt).

*Bị đơn:* Công ty TNHH Giao Nhận K

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà G, số 19 CT, Phường Q, quận TB, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Phạm Thị Mai T, sinh năm 1978;  
Địa chỉ: 11 Bis PVN, phường Đ, Quận Q, Thành phố H; bà Bùi Vân K, sinh năm 1981; địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà G, số 19 CT, Phường Q, quận TB, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14-12-2022) (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Đào Tiên P,  
Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH I - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

*Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1977  
Địa chỉ: 288/62 DBT, Phường W, Quận I, Thành phố H (xin vắng mặt)

**Người kháng cáo:** Bị đơn Công ty TNHH Giao Nhận K.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T do bà Trần Thị H là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 22-7-2019, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) do ông Nguyễn Văn C – Phó Giám đốc đại diện có ký Hợp đồng mua bán số 01/2019/TB-AKH với Công ty AA LLC có trụ sở tại Dubai theo giá FOB, hàng hóa là 54 tấn tiêu đen, trị giá 126,900 USD.

Ngày 13-8-2019, ông C đã liên hệ với bà Nguyễn Phương T là người bán cước tàu để đặt chỗ (lấy booking) đến cảng Jebel Ali. Cùng ngày, bà T (qua địa chỉ thư điện tử: elizathao77@yahoo.com) đã gửi đặt chỗ (booking) cho ông C (địa chỉ thư điện tử: robin@goldenfoodspices.com). Ngày 14-8-2019, Công ty TNHH Giao Nhận K (Sau đây gọi tắt là Công ty K) thông qua bà Phạm Thị Út M (địa chỉ thư điện tử: venus@addicon.com.vn) gửi cho ông C 01 booking mới để Công ty T tiến hành đóng hàng cho khách.

Sau khi có booking, Công ty T đã tiến hành đóng hàng và đã đăng ký tờ khai xuất khẩu hàng hóa tại Cơ quan Hải Quan Việt Nam vào ngày 16-8-2019. Ngày 17-8-2019, Công ty K gửi thư điện tử yêu cầu Công ty T hướng dẫn làm chứng từ lô hàng. Theo đó, Công ty T đã gửi bà T đầy đủ thông tin hướng dẫn làm chứng từ cho Công ty K.

Ngày 19-8-2019, Công ty K gửi yêu cầu kiểm tra và xác nhận lại vận đơn của lô hàng. Đại diện Công ty T đã yêu cầu Công ty K chỉnh lại thông tin theo đó, Người nhận hàng: To Order; cước tàu: Freight collect; Notify party: AA LLC và đại lý hãng tàu vẫn là SS LLC.

Ngày 04-9-2019, Công ty K gửi thông tin xuất hoá đơn thu phí chứng từ lô hàng. Công ty T đã cung cấp thông tin và nhận được hóa đơn với phí xếp dỡ, niêm chì, làm chứng từ tổng cộng là 9.593.880 đồng. Cùng ngày, đại diện Công ty T đến Công ty K đóng tiền, lấy chứng từ gốc về thì thấy thông tin tên hãng tàu đổi từ SS LLC. thành DS LLC. từ ngày 26-8-2019 mà Công ty T không được biết.

Ngày 09-9-2019, bà Thu đại diện Công ty K yêu cầu đại lý hãng tàu của Công ty K lưu ý Công ty T đã giữ vận đơn gốc và yêu cầu không giao hàng cho khách cho tới khi đại lý hãng tàu nhận được vận đơn gốc và đại lý hãng tàu cũng đã xác nhận nội dung này.

Do không nhận được thanh toán theo Hợp đồng mua bán nên ngày 16-9-2019 đại diện Công ty T tiếp tục yêu cầu Công ty K không giao hàng cho khách

khi chưa có ý kiến của Công ty T. Tuy nhiên, cùng ngày Công ty T kiểm tra hệ thống Containers của hãng tàu thì thấy hàng đã lấy khỏi cảng Jebel Ali và trả cont rỗng ngày 13-9-2019. Công ty T liên hệ với bà T và đại lý của Công ty K thì được phía đại lý trả lời hàng đã được lấy và giữ tại kho ngoại quan cảng đến để tiết kiệm chi phí lưu cont do Master Bill đứng tên Công ty K.

Ngày 06-10-2019, phát hiện người mua theo hợp đồng là tổ chức lừa đảo nên đại diện Công ty T đã yêu cầu Công ty K yêu cầu đại lý hãng tàu của Công ty K giao hàng sớm nhất có thể cho người mua mới của T. Ngày 07-10-2019, đại lý hãng tàu của Công ty K vẫn xác nhận đang giữ hàng tại kho ngoại quan của Dubai. Công ty T yêu cầu chỉnh vận đơn cho người nhận hàng khác là Ankit General Trading LLC nhiều lần nhưng đại lý của Công ty K không chỉnh và hẹn đại diện Công ty T sang Dubai giải quyết.

Khi đại diện T qua Dubai để giải quyết thì phát hiện hàng đã thông quan từ ngày 01-10-2019 qua rất nhiều đại lý khác nhau: từ DS LLC lấy D/O từ YangMing qua Gulf Orient Shipping LLC, đến Amazai Logistic và sau cùng người nhận là Prime Overseas Trading LLC. Qua tìm hiểu, Công ty T phát hiện Prime Overseas và DS LLC không hoạt động và đã chuyển đi nơi khác. SS LLC cũng xác nhận không phụ trách lô hàng của Công ty T.

Công ty T đã liên tục có văn bản gửi Công ty K yêu cầu Công ty K kiểm tra, làm việc với đối tác nước ngoài trả hàng hoặc bồi thường cho Công ty T. Tuy nhiên, Công ty K lại thoái thác trách nhiệm.

Do đó, Công ty T đã khởi kiện Công ty K yêu cầu bồi thường thiệt hại toàn bộ giá trị lô hàng là 126,900 USD tương đương 2.968.191.000 đồng, bồi thường chi phí xếp dỡ, niêm chì, làm chứng từ là 9.593.880 đồng, thanh toán tiền lãi chậm trả kể từ ngày 16-11-2019 cho đến khi thanh toán đủ, tạm tính đến ngày 15-6-2020 theo mức lãi suất 9%/năm là 155.830.028 đồng, tổng cộng là 3.133.614.908 một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty K trình bày:* Công ty K không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Công ty K đã hoàn thành nghĩa vụ của người vận chuyển hàng hóa khi thực hiện đúng những chỉ dẫn của khách hàng, cụ thể, ngày 17-8-2019, Công ty K gửi bản T HBL đến Công ty T, trong bản T người nhận hàng là đại lý uy tín tại Dubai do Công ty K chỉ định (D&F LOGISTICS LLC). Tuy nhiên, đại diện của Công ty T là bà Nguyễn Phương T đã yêu cầu thay đổi sang SS LLC và cuối cùng là Dewani đồng thời yêu cầu phát hành MBL telex khi chưa nhận được tiền thanh toán từ người mua dẫn đến việc mất hàng hóa.

Từ những lý do trên, Công ty K khẳng định Công ty K đã được miễn trách nhiệm của người vận chuyển.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phương T trình bày:* Bà T là nhân viên kinh doanh làm việc cho Công ty K từ năm 2012 đến năm 2016. Từ năm 2016, bà là nhân viên hợp tác với Công ty K, bán cước tàu, mang khách

hàng về cho bị đơn để chia lợi nhuận. Trong thời gian làm việc bà T được biết ông Sujan là giám đốc Công ty Vận chuyển Fortune Freight Ltd tại Bangladesh. Ông Sujan thông tin có khách hàng muốn tìm mua hàng tại Việt Nam nên bà T đã giới thiệu ông C – Phó giám đốc của Công ty T. Hai bên đã tự trao đổi mua bán và bà T không biết bất kỳ vấn đề trao đổi mua bán gì giữa các bên. Sau đó, ông C gửi thư điện tử cho Công ty K yêu cầu đặt tàu. Trong lô hàng này, bà T chỉ giữ vai trò kết nối giữa các bên, bà T khẳng định bà không phải là người của Công ty T và cũng không được ủy quyền bất cứ gì liên quan đến lô hàng. Công việc và nghiệp vụ của bà T chỉ mang khách hàng về Công ty K và lấy giá cước tàu từ Công ty K báo giá lại cho ông Sujan, đến khâu nghiệp vụ phát hành vận đơn cho khách hàng và cho đại lý thì bộ phận nghiệp vụ của Công ty K liên lạc bằng thư điện tử với các bên để họ có thông tin khi phát hành vận đơn (bill tàu). Về vấn đề thay đổi tên khách hàng hay tên đại lý trên bill tàu, ông Sujan có hỏi bà thay đổi đại lý trên bill tàu thì bà đã trả lời là muốn chỉnh sửa hay thay đổi bất cứ gì thì gửi thư điện tử (email) cho bộ phận làm chứng từ của Công ty K. Sau đó phía ông Sujan có email cho nhân viên Công ty K và hai bên trao đổi qua email với nhau về vấn đề này. Về việc giao bill gốc cho khách hàng hay yêu cầu đại lý ông Sujan giữ hàng các bên trao đổi trực tiếp qua email của bộ phận phát hành bill tàu của Công ty K. Theo bà T, để kiểm soát rủi ro cho các bên thì khi thay đổi đại lý hay bất cứ gì liên quan lô hàng Công ty K phải có sự cảnh báo cho Công ty T hay phía đại lý ông Sujan.

Tại phiên tòa,

Bà Trần Thị H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty T rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, Công ty T yêu cầu Công ty K bồi thường thiệt hại toàn bộ giá trị lô hàng là 126,900 USD tương đương 2.968.191.000 đồng, bồi thường chi phí xếp dỡ, niêm chì, làm chứng từ là 9.593.880 đồng. Tổng cộng là 2.977.784.880 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Rút yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả kể từ ngày 16-11-2019 cho đến khi thanh toán đủ số tiền nêu trên.

Ông Lê Đức A Tuy là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn đã thực hiện đúng chỉ dẫn giao hàng và nghĩa vụ của người vận chuyển, do đó không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ việc mất hàng. Theo chỉ dẫn của bà Nguyễn Phương T, bị đơn đã sửa đại lý từ D&F LOGISTICS LLC (Đại lý đối tác theo chỉ định ban đầu của bị đơn) sang SS LLC (Đại lý chỉ định của bà T) và sau cùng là Dewani (Đại lý chỉ định của Sujan). Hàng hóa đã được vận chuyển từ cảng Cát Lái tại Thành phố H đến cảng Jebel Ali tại Dubai (Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất). Đại lý nhận hàng hóa phía Dubai là DS LLC do ông Sujan đã nhận hàng từ hãng tàu vào ngày 13-9-2019) và chịu trách nhiệm quản lý hàng cho đến khi hàng hóa được giao cho người mua hàng là AA LLC. Việc mất hàng là do hành vi chiếm đoạt của Dubai là DS LLC.

Giữa hai bên không tồn tại quan hệ vận chuyển hàng hóa do hai bên không ký hợp đồng vận chuyển, Công ty T không phải là người thanh toán cước

vận chuyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phương T xác định bà là người bán cước tàu để hưởng chênh lệch, không có chuyên môn sâu về nghiệp vụ vận chuyên, đề nghị Hội đồng xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2022/KDTM-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân quận TB đã quyết định:

**1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T:**

Buộc bị đơn Công ty TNHH Giao Nhận Kcó trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T số tiền 2.939.004.000 đồng và chi phí xếp dỡ, niêm chì, làm chứng từ là 9.593.880 đồng, tổng cộng 2.948.597.880 (Hai tỷ, chín trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm chín mươi bảy ngàn, tám trăm tám mươi) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Đình chỉ đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả của nguyên đơn.**

**3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Giao Nhận Kphải chịu 90.971.957 (chín mươi triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn, chín trăm năm bảy) đồng.**

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T số tiền 47.336.150 (bốn mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, một trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0068074 ngày 30-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án của đương sự theo luật định.

Sau khi Tòa án nhân dân quận TB xét xử, ngày 20-9-2022, Công ty TNHH Giao Nhận Kcó Đơn kháng cáo đề ngày 19-9-2022 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ các chứng cứ; đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Ý kiến của nguyên đơn: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã cầu thả, tắc trách, thiếu cẩn trọng làm mất quyền cầm giữ, định đoạt hàng hoá, có lỗi trực tiếp dẫn đến việc mất hàng, gây ra thiệt hại thực tế cho nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ của bên vận chuyên theo Vận đơn đường biển số

ALCSGN190868 ngày 20-8-2019. Căn cứ Điều 360 Bộ luật Dân sự 2015, bị đơn có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh là giá trị hàng hoá đã mất và chi phí xếp dỡ niêm chì, làm chứng từ lô hàng với tổng số tiền là 2.948.597.880 đồng.

Ý kiến của bị đơn, người kháng cáo: Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữa nguyên đơn và bị đơn không tồn tại quan hệ vận chuyển hàng hóa do hai bên không ký hợp đồng vận chuyển, nguyên đơn không phải là người thanh toán cước vận chuyên; cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp không chính xác; triệu tập thiếu người tham gia tố tụng; Toà án không có thẩm quyền giải quyết vụ án này; chưa đánh giá đúng mức độ lỗi của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chưa cân nhắc dấu hiệu hình sự trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2022/KDTM-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa, các bên đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn Công ty T khởi kiện bị đơn Công ty K yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh từ Vận đơn đường biển số ALCSGN190868 ngày 20-8-2019. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hàng hóa; bị đơn có trụ sở tại quận TB, Thành phố H, Tòa án nhân dân quận TB xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16-9-2022, Đơn kháng cáo của nguyên đơn gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm ngày 20-9-2022 là còn trong thời hạn luật định, kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết theo trình tự phúc thẩm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc Tòa án không có thẩm quyền giải quyết do tranh chấp giữa các bên phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 01/2019/TH-AKH ngày 22-7-2019, Điều 11 của Hợp đồng thỏa thuận: Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết chung thẩm bởi Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm này. Như nhận định tại Mục [1] đây là tranh chấp về hợp đồng vận chuyển giữa Công ty T và Công ty K phát sinh từ Vận đơn đường biển số ALCSGN190868 ngày 20-8-2019; các bên không tranh chấp về Hợp đồng mua bán số 01/2019/TH-AKH ngày 22-7-2019 nên việc bị đơn áp dụng điều khoản thỏa thuận trọng tài của Hợp đồng mua bán để cho rằng Tòa án không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp này là không có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc giữa bị đơn và nguyên đơn không tồn tại quan hệ hợp đồng vận chuyển hàng hoá. Căn cứ hồ sơ vụ án xác định bị đơn đã phát hành và cung cấp cho nguyên đơn Vận đơn đường biển số ALCSGN190868 ngày 20-8-2019, theo đó bị đơn đã nhận hàng hóa của Công ty T với số lượng, chủng loại, tình trạng như được ghi nhận trong vận đơn để vận chuyển từ Thành phố H, Việt Nam đến cảng Jebel Ali. Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Hàng hải năm 2015 quy định: “2. Vận đơn là chứng từ vận chuyển làm bằng chứng về việc người vận chuyển đã nhận hàng hóa với số lượng, chủng loại, tình trạng như được ghi trong vận đơn để vận chuyển đến nơi trả hàng; bằng chứng về sở hữu hàng hóa dùng để định đoạt, nhận hàng và là bằng chứng của hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường biển”. Do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập quan hệ vận chuyển hàng hoá, phù hợp với các email trao đổi giữa nguyên đơn, bị đơn.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về việc cấp sơ thẩm triệu tập thiếu người tham gia tố tụng là ông SJ; ông Nguyễn Văn C và Shufs Shipping L.L.C. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Nguyễn Văn C là Phó Giám đốc của Công ty T, được ủy quyền thực hiện các giao dịch theo Văn bản ủy quyền ngày 02-01-2019, ông C thực hiện công việc nhân danh Công ty T và trong phạm vi ủy quyền; Công ty T không có tranh chấp về trách nhiệm cá nhân của ông C. Bị đơn cho rằng bà Nguyễn Phương T thay mặt ông Sujan liên hệ với bị đơn để thỏa thuận dịch vụ vận chuyển, thanh toán cước vận chuyển, chỉ định thay đổi đại lý nhận hàng, yêu cầu giải phóng hàng là không đúng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; cụ thể bà T thừa nhận chỉ là “sale kết nối các bên”, “không có nghiệp vụ phát hành bill tàu”, ông Sujan trao đổi thông tin qua email trực tiếp với nhân viên của Công ty K với vai trò đại lý hãng tàu cảng đến. Shufs Shipping L.L.C. là một đại lý hãng tàu được chỉ định trong bản T vận đơn, không có vai trò thực tế nào trong tranh chấp giữa các bên. Do đó, việc cấp sơ thẩm không triệu tập ông C, ông Sujan và Shufs Shipping L.L.C. tham gia tố tụng là có cơ sở.

[5] Xét thấy, quá trình trao đổi, xác lập quan hệ vận chuyển hàng hoá, chốt vận đơn giữa hai bên đều thông qua email ông Nguyễn Văn C là đại diện hợp pháp của nguyên đơn với nhân viên của bị đơn từ ngày 14-8-2019 đến ngày 21-8-2019, trong đó ngày 21-8-2019 là thời điểm hai bên xác nhận những chỉnh

sửa cuối cùng đối với vận đơn; theo đó, nguyên đơn và bị đơn thống nhất Đại lý hãng tàu được chỉ định là Shufs Shipping L.L.C và vận đơn giao hàng theo lệnh của người gửi hàng, sau ngày 21-8-2019 ông C không nhận được bất cứ thư điện tử cảnh báo hay thư điện tử chuyển tiếp nào của bị đơn.

[6] Tại Bản giải trình ngày 07-6-2021, bị đơn trình bày ngày 21-8-2019, thông qua tin nhắn zalo, bà T xác nhận không cần giữ hàng hoá và yêu cầu bị đơn phát hành MBL cho đại lý để đại lý lấy hàng từ hãng tàu thay vì người nhận hàng chỉ được lấy hàng khi xuất trình được vận đơn gốc có ký hậu của chủ hàng. Việc thay đổi điều kiện, phương thức nhận hàng nói trên bị đơn không thông báo cho nguyên đơn.

[7] Các bên thừa nhận việc mất hàng xuất phát từ việc thay đổi đại lý hãng tàu từ D&F Logistic L.L.C là đại lý đối tác theo chỉ định ban đầu của bị đơn sang Shufs Shipping L.L.C và sau cùng là DS LLC L.L.C và từ việc thay đổi phương thức điều kiện giao hàng từ vận đơn theo lệnh sang Master Bill Telex cho đại lý. Việc thay đổi hãng tàu, điều kiện phương thức nhận hàng do bà Nguyễn Phương T và ông Sujan chỉ định trong khi bà T và ông Sujan không phải là đại diện của nguyên đơn cũng như nguyên đơn không biết ông Sujan là ai. Bị đơn cho rằng đã thực hiện đúng chỉ dẫn của nguyên đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh bà T và ông Sujan là đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quan hệ vận chuyển hàng hoá, không xuất trình được chứng cứ về việc có thông báo cho ông C là đại diện hợp pháp của nguyên đơn biết các thay đổi nói trên.

[8] Xét ý kiến bị đơn cho rằng hết trách nhiệm khi hàng được vận chuyển đến cảng đến Jebel Ali là không đúng với thỏa thuận của các bên theo nội dung email trao đổi ngày 21-8-2019 giữa ông C – đại diện nguyên đơn với nhân viên của bị đơn xác định “vận đơn giao hàng theo lệnh của người gửi” và hiện tại nguyên đơn vẫn giữ bộ chứng từ gốc.

[9] Tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư của bị đơn có nêu quy định tại khoản 1 Điều 152 của Bộ luật Hàng hải về giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển, tuy nhiên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 153 của Bộ luật Hàng hải năm 2015 *“Người vận chuyển mất quyền giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển quy định tại Điều 152 của Bộ luật này nếu người khiếu nại chứng minh được mất mát, hư hỏng hàng hóa là hậu quả do người vận chuyển đã có hành vi cố ý gây mất mát, hư hỏng, chậm trả hàng hoặc cấu thả và biết rằng việc mất mát, hư hỏng hoặc chậm trả hàng đó có thể xảy ra”*.

[10] Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn bằng giá trị hàng hoá bị mất là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 152 của Bộ luật Hàng hải 2015 *“Trong trường hợp chủng loại và giá trị hàng hoá được người giao hàng khai báo trước khi bốc hàng và được người vận chuyển chấp nhận, ghi vào chứng từ vận chuyển thì người vận chuyển chịu trách nhiệm bồi thường mất mát, hư hỏng hàng hoá trên cơ sở giá trị đó theo nguyên tắc sau: a) Đối với hàng hoá bị mất thì bồi thường bằng giá trị đã khai báo; ...”*.



Giá trị hàng hoá của Công ty T được xác định dựa trên Vận đơn ALCSGN190868 ngày 20-8-2019 là 126,900 USD, giá trị hàng hoá được quy đổi Việt Nam đồng khi kê khai hải quan, tính thuế là 2.939.004.000 đồng theo Tờ khai hàng hoá xuất khẩu (thông quan) số 302702165310 ngày 16-8-2019 tại Hải quan Thành phố H với tỷ giá đô la Mỹ là 23.160 VNĐ/USD.

[11] Về yêu cầu bồi thường chi phí xếp dỡ, niêm chì, làm chứng từ là 9.593.880 đồng. Phía bị đơn cho rằng chi phí này không phải do nguyên đơn trả mà do bà Nguyễn Phương T đóng thay, tuy nhiên phía nguyên đơn không thừa nhận. Căn cứ Hoá đơn số 0005264 ngày 04-9-2019, thể hiện nguyên đơn đã trả cho bị đơn 9.593.880 đồng tiền chi phí xếp dỡ, niêm chì, làm chứng từ. Như phân tích trên việc mất hàng hóa do lỗi của bị đơn do đó cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ chi phí niêm chì đã nhận là có căn cứ.

[12] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[13] Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 127/2022/KDTM-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố H.

[14] Nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[15] Về án phí kinh doanh thương mại: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Giao nhận K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2022/KDTM-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố H.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 148, Điều 152, Điều 153 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T;

Buộc bị đơn Công ty TNHH Giao Nhận Kcó trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T số tiền 2.948.597.880 (hai tỷ, chín trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm chín mươi bảy ngàn, tám trăm tám mươi) đồng, trong đó giá trị hàng hóa 2.939.004.000 (hai tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, không trăm lẻ bốn ngàn) đồng và chi phí xếp dỡ, niêm chì, làm chứng từ là 9.593.880 (chín triệu, năm trăm chín mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả của nguyên đơn.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

Án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH Giao Nhận Kphải chịu 90.971.957 (chín mươi triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn, chín trăm năm bảy) đồng.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.336.150 (bốn mươi bảy triệu, ba trăm ba sáu ngàn, một trăm năm mươi) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0068074 ngày 30-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, Thành phố H.

Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Giao Nhận Kphải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0031942 ngày 20-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận TB;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS quận TB;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**Trương Thị Quỳnh Trâm**

